

Số: 2185 /QĐ-UBND

Nam Định, ngày 21 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 ngày 6 tháng 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 ngày 8 tháng 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 ngày 10 tháng 2017 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2976/QĐ-BYT ngày 07/10/2024 của Bộ Y tế về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 159/QĐ-BYT ngày 18/01/2024 của Bộ Y tế về công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị thay thế và bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế quy định tại Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023 và Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh và Quyết định số 743/QĐBYT ngày 28/03/2024 của Bộ Y tế về việc sửa đổi bổ sung Quyết định số 159/QĐ-BYT;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 136/TTr-SYT ngày 16/10/2024 về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 19 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, 05 thủ tục hành chính bãi bỏ trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.


Giao Sở Y tế tham mưu UBND tỉnh xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đối với các thủ tục hành chính đã được công bố sửa đổi tại Quyết định này theo quy định.

Bãi bỏ nội dung công bố đối với thủ tục hành chính Phê duyệt lần đầu danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế đã được công bố tại Quyết định số 1592/QĐ-UBND ngày 31/7/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định.

Bãi bỏ Quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 30/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Y tế và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- VPCP (Cục KSTTHC);
- Công TTĐT tỉnh; Trang TTĐT VPUBND tỉnh;
- Lưu: VP1, VP11. 



CHỦ TỊCH

Phạm Đình Nghị



Phụ lục

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BỎ BỎ TRONG LĨNH VỰC KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ Y TẾ (Kèm theo Quyết định số: 2185 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định)

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

| TT | Tên TTHC | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|---|----------------------------------|--|---|---|
| 1 | Công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành | 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh | Không quy định | - Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023; - Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ; |
| 2 | Cấp mới giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền | 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh | (Thu 70% mức phí này trong giai đoạn từ 01/7/2024 đến hết ngày 31/12/2024 theo quy định tại Thông tư số 43/2024/TT-BTC): 430.000 đồng | - Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023; - Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ; - Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 43/2024/TT-BTC ngày 28/6/2024 của Bộ Tài chính. |
| 3 | Cấp lại giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền | 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh | (Thu 70% mức phí này trong giai đoạn từ 01/7/2024 đến hết ngày 31/12/2024 theo quy định tại Thông tư số 43/2024/TT-BTC): - 150.000 đồng (trường hợp 1, 2); | - Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023; - Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ; - Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ Tài chính; |

| TT | Tên TTHC | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|---|---|--|---|---|
| | | | | - 430.000 đồng (trường hợp 3, 4, 5, 6, 7, 8) (Không thu phí đối với trường hợp cấp sai do lỗi của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hành nghề). | -Thông tư số 43/2024/TT-BTC ngày 28/6/2024 của Bộ Tài chính. |
| 4 | Gia hạn giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền | Kể từ khi nhận đủ hồ sơ đến ngày hết hạn ghi trên giấy phép hành nghề | Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh | Không quy định | - Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023; - Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ; |
| 5 | Đăng ký hành nghề | Cùng thời điểm cấp GPHĐ đối với trường hợp quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 29 Nghị định 96/2023/NĐ-CP; - 05 ngày đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 29 Nghị định 96/2023/NĐ-CP. | Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh | Không quy định | - Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023; - Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ; |
| 6 | Thu hồi giấy phép hành nghề trong trường hợp quy | 15 ngày kể từ khi nhận được đơn đề | Trung tâm Phục vụ hành | Không quy định | - Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023; |

| TT | Tên TTHC | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|---|--|--|---|---|
| | định tại điểm i khoản 1 Điều 35 Luật Khám bệnh, chữa bệnh | nghị và giấy phép hành nghề kèm theo | chính công, XTĐT và HTDN tỉnh | | - Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ; |
| 7 | Cấp mới giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh | Tổ chức thẩm định điều kiện hoạt động và danh mục kỹ thuật thực hiện tại cơ sở đề nghị và lập biên bản thẩm định trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ghi trên phiếu tiếp nhận hồ sơ và 10 ngày làm việc kể từ ngày ban hành biên bản thẩm định hoặc nhận được văn bản thông báo và tài liệu chứng minh đã hoàn thành việc khắc phục, sửa chữa của cơ sở đề nghị. | Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh | (Thu 70% mức phí này trong giai đoạn từ 01/7/2024 đến hết ngày 31/12/2024 theo quy định tại Thông tư số 43/2024/TT-BTC): - Bệnh viện: 10.500.000 đồng; - Phòng khám đa khoa, nhà hộ sinh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình: 5.700.000 đồng; - Phòng khám y học cổ truyền, Phòng chẩn trị y học cổ truyền, Trạm y tế: 3.100.000 đồng; - Phòng khám chuyên khoa, Phòng khám liên chuyên khoa, Phòng khám bác sỹ y khoa, Phòng khám răng hàm mặt, Phòng khám dinh dưỡng, Phòng khám y sỹ đa khoa, Cơ sở dịch vụ cận lâm sàng: 4.300.000 đồng; - Các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác: 4.300.000 đồng. | - Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023; - Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ; - Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 43/2024/TT-BTC ngày 28/6/2024 của Bộ Tài chính. |

| TT | Tên TTHC | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|---|---|--|--|---|
| 8 | Cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh | 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh | (Thu 70% mức phí này trong giai đoạn từ 01/7/2024 đến hết ngày 31/12/2024 theo quy định tại Thông tư số 43/2024/TT-BTC): 1.500.000 đồng (không thu phí đối với trường hợp cấp sai do lỗi của cơ quan có thẩm quyền cấp) | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023; - Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ; - Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 43/2024/TT-BTC ngày 28/6/2024 của Bộ Tài chính. |
| 9 | Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh | <p>Trường hợp không phải thẩm định thực tế tại cơ sở: 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ;</p> <p>Trường hợp phải thẩm định thực tế tại cơ sở: Tổ chức thẩm định điều kiện hoạt động và danh mục kỹ thuật thực hiện tại cơ sở đề nghị và lập biên bản thẩm định trong thời hạn 60 ngày kể từ</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh | <p>Thu 70% mức phí này trong giai đoạn từ 01/7/2024 đến hết ngày 31/12/2024 theo quy định tại Thông tư số 43/2024/TT-BTC (không thu phí đối với trường hợp cấp sai do lỗi của cơ quan có thẩm quyền cấp, trường hợp thay đổi địa chỉ nhưng không thay đổi địa điểm do có sự điều chỉnh về địa giới hành chính và trường hợp điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với trường hợp giảm bớt danh mục kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp 1: 1.500.000 đồng; - Trường hợp 2: <ul style="list-style-type: none"> a) Thay đổi quy mô hoạt động: <ul style="list-style-type: none"> - Bệnh viện: 10.500.000 đồng. - Phòng khám đa khoa, nhà hộ sinh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình: 5.700.000 đồng. | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023; - Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ; - Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 43/2024/TT-BTC ngày 28/6/2024 của Bộ Tài chính. |

| TT | Tên TTHC | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|---|--|--|--|---|
| | | ngày nhận đủ hồ sơ; 10 ngày làm việc kể từ ngày ban hành biên bản thẩm định hoặc nhận được văn bản thông báo và tài liệu chứng minh đã hoàn thành việc khắc phục, sửa chữa của cơ sở đề nghị. | | <ul style="list-style-type: none"> - Phòng khám y học cổ truyền, Phòng chẩn trị y học cổ truyền, Trạm y tế: 3.100.000 đồng. - Các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác: 4.300.000 đồng. b) Thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn hoặc bổ sung danh mục kỹ thuật <ul style="list-style-type: none"> - Bệnh viện, Phòng khám đa khoa, Nhà hộ sinh, Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình, Phòng khám chuyên khoa, Phòng khám liên chuyên khoa, Phòng khám bác sỹ y khoa, Phòng khám răng hàm mặt, Phòng khám dinh dưỡng, Phòng khám y sỹ đa khoa, Cơ sở dịch vụ cận lâm sàng: 4.300.000 đồng. - Phòng khám y học cổ truyền, Phòng chẩn trị y học cổ truyền, Trạm y tế: 3.100.000 đồng. - Các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác: 4.300.000 đồng. c) Giảm bớt danh mục kỹ thuật: Không thu phí. | |
| 10 | Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe, khám và điều trị HIV/AIDS | 15 ngày kể từ ngày ghi trên phiếu tiếp nhận hồ sơ | Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh | Không quy định | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023; - Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ; |

| TT | Tên TTHC | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|--|---|--|----------------|---|
| 11 | Cho phép tổ chức đoàn khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo theo đợt, khám bệnh, chữa bệnh lưu động thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 79 Luật Khám bệnh, chữa bệnh hoặc cá nhân khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo | 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh | Không quy định | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023; - Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ; |
| 12 | Cho phép người nước ngoài vào Việt Nam chuyển giao kỹ thuật chuyên môn về khám bệnh, chữa bệnh hoặc hợp tác đào tạo về y khoa có thực hành khám bệnh, chữa bệnh | 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh | Không quy định | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023; - Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ; |
| 13 | Công bố đủ điều kiện thực hiện khám bệnh, chữa bệnh từ xa | 10 ngày kể từ ngày ghi trên phiếu tiếp nhận hồ sơ | Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh | Không quy định | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023; - Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ; |
| 14 | Đề nghị thực hiện thí điểm khám bệnh, chữa bệnh từ xa | 45 ngày kể từ ngày ghi trên phiếu tiếp nhận hồ sơ | Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh | Không quy định | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023; - Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ; |

| TT | Tên TTHC | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|--|---|--|--|---|
| 15 | Xếp cấp chuyên môn kỹ thuật | 60 ngày kể từ ngày ghi trên phiếu tiếp nhận hồ sơ | Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh | Không quy định | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023; - Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ; |
| 16 | Cấp mới giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng | 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh | (Thu 70% mức phí này trong giai đoạn từ 01/7/2024 đến hết ngày 31/12/2024 theo quy định tại Thông tư số 43/2024/TT-BTC): 430.000 đồng | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023; - Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ; - Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 43/2024/TT-BTC ngày 28/6/2024 của Bộ Tài chính. |
| 17 | Cấp lại giấy phép hành nghề đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu | 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh | (Thu 70% mức phí này trong giai đoạn từ 01/7/2024 đến hết ngày 31/12/2024 theo quy định tại Thông tư số 43/2024/TT-BTC) - Trường hợp 1,2,12,15,16,17 là 150.000 đồng; - Trường hợp 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 13, 14 là 430.000 đồng. (Không thu phí đối với trường hợp cấp lại giấy phép hành nghề do lỗi của cơ | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023; - Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ; - Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 43/2024/TT-BTC ngày 28/6/2024 của Bộ Tài chính. |

| TT | Tên TTHC | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|--|---|--|---|---|
| | viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng ¹ | | | quan có thẩm quyền cấp giấy phép hành nghề) | |
| 18 | Gia hạn giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng | Kể từ khi nhận đủ hồ sơ đến ngày hết hạn ghi trên giấy phép hành nghề | Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh | Không quy định | - Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023; - Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ; |
| 19 | Điều chỉnh giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp | 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh | (Thu 70% mức phí này trong giai đoạn từ 01/7/2024 đến hết ngày 31/12/2024 theo quy định tại Thông tư số 43/2024/TT-BTC): 430.000 đồng | - Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023; - Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ; - Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 43/2024/TT-BTC ngày 28/6/2024 của Bộ Tài chính. |

¹ Thay đổi tên từ thủ tục “Cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp được cấp trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng - Theo Quyết định số 159/Q-BYT ngày 18/01/2024 của Bộ Y tế”.

| TT | Tên TTHC | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|--------------------------------------|---------------------|--------------------|-------------|----------------|
| | cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng | | | | |

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ

| TT | Mã thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính | Căn cứ pháp lý |
|----|------------------------|---|---|
| 1 | 1.001086.000.00.00.H40 | Phê duyệt lần đầu danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế. | - Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023; - Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ; |
| 2 | 1.012259.000.00.00.H40 | Cấp mới giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng. | |
| 3 | 1.012265.000.00.00.H40 | Cấp lại giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng. | |
| 4 | 1.012269.000.00.00.H40 | Gia hạn giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng. | |
| 5 | 1.012270.000.00.00.H40 | Điều chỉnh giấy phép hành nghề. | |